

Bản án số: 285/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Kim Sa,

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Ông Nguyễn Thanh Truyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 710/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 8 M, Phường E, Quận F, TP .

Địa chỉ liên lạc: A B, Phường C, Quận F, TP .

- Bị đơn: Ông Cỗ Hòa T – sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 8 M, Phường E, Quận F, TP .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023 cùng lời khai của bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Cỗ Hòa T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2005 do Ủy ban nhân dân Phường E cấp ngày 28/10/2005, có với nhau 03 con chung tên là Cỗ Nguyễn Xuân M – sinh ngày 26/12/2005, Cỗ Nguyễn Xuân N – sinh ngày 25/3/2009, Cỗ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010.

Sau khi kết hôn, bà L và ông T chung sống ở nhà gia đình ông T tại số H M, Phường E, Quận F. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến năm 2018 thì phát mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ, làm cho tình cảm dần xa cách.

Bên cạnh đó giữa bà L và gia đình chồng cũng có nhiều bất hòa, làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Đến năm 2020, bà L ly thân với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L xác định có 03 con chung với ông T bao gồm: Cổ Nguyễn Xuân M – sinh ngày 26/12/2005 (đã thành niên), Cổ Nguyễn Xuân N – sinh ngày 25/3/2009, Cổ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010. Hiện cả 03 con chung đang sống chung với ông T tại nhà số H M, được ông T và người nhà ông T trực tiếp chăm sóc các con đều có cuộc sống tốt, được yêu thương, học hành đầy đủ. Do đó, bà L đồng ý để ông T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên tên là Cổ Nguyễn Xuân N1 – sinh ngày 25/3/2009, Cổ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010, bà L tự thỏa thuận với ông T về cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Bà L khai không có tài sản chung với ông T.

Về nợ chung: Bà L khai không có nợ chung với ông T.

- Bị đơn là ông Cổ Hòa T không có lời khai, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

Bà Đỗ Thị Anh Đ – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Cổ Hòa T.

\* Về con chung: Giao các trẻ Cổ Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 25/3/2009; Cổ Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/2/2010 cho ông Cổ Hòa T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

\* Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:*

Ngày 17/11/2023, bà Nguyễn Thị Thùy L nộp đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023 yêu cầu ly hôn đối với ông Cổ Hòa T nơi cư trú tại 8 M, Phường E, Quận F, do đó đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Cổ Hòa T theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông Cổ Hòa T đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng ông Cổ Hòa T đã không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để: làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc ông Cổ Hòa T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Cổ Hòa T.

*[2]. Về yêu cầu của đương sự:*

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tổng đạt hợp lệ cho ông Cổ Hòa T thông báo thụ lý số 1000/TB-TLVA ngày 28/11/2023 về việc thụ lý vụ án “Ly hôn” theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu ly hôn với ông Cổ Hòa T. Phía ông Cổ Hòa T không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông Cổ Hòa T đã “không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu...” mà bà Nguyễn Thị Thùy L đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do bà Nguyễn Thị Thùy L đưa ra có giá trị chứng minh.

*- Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Cổ Hòa T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2005 do Ủy ban nhân dân Phường E cấp ngày 28/10/2005. Nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Cổ Hòa T là hợp pháp.

Xét: Khi bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn xin ly hôn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Cổ Hòa T đến Tòa để ghi nhận ý kiến và tham gia phiên hòa giải, để ông Cổ Hòa T có thể trình bày ý kiến nhằm giải tỏa vướng mắc của vợ chồng, xây dựng lại gia đình hạnh phúc, nhưng ông Cổ Hòa T không đến Tòa án. Tòa án nhân dân Quận 6 cũng không lấy lời khai của ông Cổ Hòa T được. Điều này chứng tỏ, ông Cổ Hòa T đã không để tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và không tôn trọng pháp luật.

Theo bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường, đến năm 2018 thì phát mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ, làm cho tình cảm dần xa cách. Bên cạnh đó giữa bà L và gia đình chồng cũng có nhiều bất hòa, làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Đến năm 2020, bà L ly thân với ông T cho đến nay vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Như vậy, tình nghĩa vợ chồng của bà L và ông T không còn như Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã nêu: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”.

Chính vì vậy có cơ sở khẳng định hôn nhân của bà L và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L có cơ sở kết luận việc bà L xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện xuất phát từ mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L.

- Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Thùy L cùng giấy khai sinh số 036 ngày 27/02/2006, số 078/2009 ngày 03/4/2009, số 068/2010 ngày 22/3/2010 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F cấp, đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Cỗ Hòa T có 03 (ba) con chung tên là Cỗ Nguyễn Xuân M – sinh ngày 26/12/2005 (đã thành niên), Cỗ Nguyễn Xuân N1 – sinh ngày 25/3/2009, Cỗ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010.

Xét: Trẻ Cỗ Nguyễn Xuân N1 và trẻ Cỗ Nguyễn Huy H chưa thành niên có trình bày nguyện vọng được sống với ba là Cỗ Hòa T. Bà L đồng ý ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung chưa thành niên là trẻ Cỗ Nguyễn Xuân N1 và trẻ Cỗ Nguyễn Huy H. Theo Công văn số 18/UBND ngày 04/01/2024 và số 357/UBND ngày 22/3/2024 của Ủy ban nhân dân Phường E cung cấp thông tin trẻ Cỗ Nguyễn Xuân N1 và trẻ Cỗ Nguyễn Huy H hiện đang sống cùng ông Cỗ Hòa T được đảm bảo quyền lợi cho 2 trẻ như được thương yêu, tôn trọng về nhân thân và tài sản của trẻ, được học và giáo dục, được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Vì vậy, có cơ sở cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai trẻ Cỗ Nguyễn Xuân N1 – sinh ngày 25/3/2009, Cỗ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010 để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy L tự thỏa thuận với ông Cỗ Hòa T cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có tài sản chung với ông Cỗ Hòa T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có nợ chung với ông Cỗ Hòa T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: bà Nguyễn Thị Thùy L

nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, căn cứ biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2023/0038612, ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

**1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy L:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn ông Cổ Hòa T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Cổ Hòa T có 03 (ba) con chung tên là Cổ Nguyễn Xuân M – sinh ngày 26/12/2005 (đã thành niên), Cổ Nguyễn Xuân N1 – sinh ngày 25/3/2009, Cổ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010.

Ông Cổ Hòa T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung tên là Cổ Nguyễn Xuân N1 – sinh ngày 25/3/2009, Cổ Nguyễn Huy H – sinh ngày 25/02/2010.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy L tự thỏa thuận với ông Cổ Hòa T về cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có tài sản chung với ông Cổ Hòa T.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L khai không có nợ chung với ông Cổ Hòa T.

**2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Thùy L nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2023/0038612, ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

**3/ Bà Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Ông Cổ Hòa T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.**

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Kim Sa**